

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 20/2023/HSST

Ngày 24- 02- 2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tòng.

Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Văn Tiến;

Bà Vũ Thị Thúy.

-Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nhật Khánh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Hải- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 01/2023/TLST-HS ngày 06 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/HSST- QĐ ngày 16 tháng 02 năm 2023 đối với các bị cáo:

1). E1, sinh năm 1987; Nơi sinh: Huyện T1, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn C1, xã T2, huyện T1, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Họ tên bố: T3; họ tên mẹ: S1; Họ tên vợ: A1; có 02 con (con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2019); Tiền án, tiền sự: Không; Danh chỉ bản số 305 do Công an huyện Thái Thụy lập ngày 22- 11- 2022. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17- 11- 2022 đến ngày 22- 11- 2022; hiện đang bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm, tại ngoại, có mặt.

2). D1, sinh năm 1985; Nơi sinh: Huyện T1, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn C1, xã T2, huyện T1, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Họ tên bố: T4; họ tên mẹ: A2; Họ tên vợ: C1; có 02 con (con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2012); Tiền án, tiền sự: Không; Danh chỉ bản số 302 do Công an huyện Thái Thụy lập ngày 22- 11- 2022. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17- 11- 2022 đến ngày 22- 11- 2022; hiện đang bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm, tại ngoại, có mặt.

3). Q1, sinh năm 1993; Nơi sinh: Huyện T1, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Tổ dân phố H4, thị trấn D1, huyện T1, tỉnh Thái Bình. Nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không;

quốc tịch: Việt Nam. Họ tên bố: V1; họ tên mẹ: H1; Họ tên vợ: A1; có 02 con (con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2021); Tiền án, tiền sự: Không; Danh chỉ bản số 300 do Công an huyện Thái Thụy lập ngày 22- 11- 2022. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17- 11- 2022 đến ngày 22- 11- 2022; hiện đang bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm, tại ngoại, có mặt.

4). T3, sinh năm 1987; Nơi sinh: Huyện T1, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn C1, xã T2, huyện T1, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Họ tên bố: B1; họ tên mẹ: T4; Họ tên vợ: P1; chưa có con; Tiền án, tiền sự: Không; Danh chỉ bản số 303 do Công an huyện Thái Thụy lập ngày 22- 11- 2022. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17- 11- 2022 đến ngày 22- 11- 2022; hiện đang bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm, tại ngoại, có mặt.

5). Q2, sinh năm 1976; Nơi sinh: Huyện T1, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn C1, xã T2, huyện T1, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 06/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Họ tên bố: T5 (đã chết); họ tên mẹ: T6; Họ tên vợ: H2; có 03 con (con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2012); Tiền án, tiền sự: Không; Danh chỉ bản số 304 do Công an huyện Thái Thụy lập ngày 22- 11- 2022. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17- 11- 2022 đến ngày 22- 11- 2022; hiện đang bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm, tại ngoại, có mặt.

6). T7, sinh năm 1977; Nơi sinh: Huyện T1, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn C1, xã T2, huyện T1, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Họ tên bố: L1 (đã chết); họ tên mẹ: K1; Họ tên vợ: C1; có 02 con (con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2019); Nhân thân: Từ tháng 03 năm 1997 đến tháng 5 năm 1999, tham gia Quân đội nhân dân Việt Nam; Tiền án, tiền sự: Không; Danh chỉ bản số 301 do Công an huyện Thái Thụy lập ngày 22- 11- 2022. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17- 11- 2022 đến ngày 22- 11- 2022; hiện đang bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm, tại ngoại, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Các bị cáo E1 và Q1 là công nhân thuộc Cụm quản lý cống T8- Công ty khai thác công trình thủy lợi Bắc Thái Bình; ngày 16- 11- 2022, cả hai bị cáo được phân công trực tại Nhà điều hành cống. Các bị cáo D1, Q2, T3 và T7 ở cùng thôn với bị cáo E1. Hồi 20 giờ 30 phút, các bị cáo D1, Q2 đến phòng ngủ của bị cáo E1 tại đây nhà dành cho công nhân của Cụm quản lý cống; một lúc sau, các bị cáo T3 và T7 cũng đến đây. Các bị cáo rủ nhau đánh bạc thắng thua bằng tiền, hình thức đánh “liêng”. Bị cáo E1 đi ra ngoài mua bộ bài tú lơ khơ

mang về; cả 6 bị cáo ngồi xuống chiếu đã trải sẵn dưới nền nhà phòng ngủ của bị cáo E để đánh bạc. Cách thức đánh “liêng”: Một người sử dụng bộ bài 52 quân chia đều cho mỗi người 03 quân bài; mọi người chơi bài đều góp tiền “gà” là 20.000đồng đặt xuống chiếu. Sau khi chia bài xong, mỗi người tự xem bài của mình để quyết định có tiếp tục tham gia ván bài đó không. Người nào thấy bài của mình thấp mà không theo thì úp bài dưới chiếu, bị mất tiền “gà” đã nộp. Những người tiếp tục tham gia ván bài đó thì tham gia “tố” lần lượt theo vòng tròn đến hết; mức “tố” ít nhất là 20.000đồng, cao nhất là 200.000đồng; số tiền này được đưa vào “gà” dưới chiếu. Khi không còn ai “tố” thì lật bài để phân định thắng thua: Người có bài cao nhất là người thắng, được thu toàn bộ tiền “gà”, tiền “tố” dưới chiếu; những người khác đều thua, bị mất tiền đã đặt dưới chiếu. Người nào có 03 quân bài giống nhau thì gọi là “sáp”; người nào có 03 quân bài liền mạch nhau theo thứ tự (không cần cùng chất) gọi là “liêng”; các quân bài khác thì tính tổng điểm rồi lấy hàng đơn vị làm điểm cả bài, điểm từ cao là 9 xuống đến 0 là thấp nhất. Bài cao nhất là “sáp”; nhỏ hơn “sáp” là “liêng”; không có “sáp”, không có “liêng” thì tính điểm để tính thắng thua. Đến 23 giờ 55 phút, trong khi các bị cáo đang đánh bạc thì bị lực lượng Công an bắt quả tang, thu giữ số tiền 5.700.000đồng trên chiếu bạc.

Các vật chứng của vụ án gồm: 01 bộ bài tứ lơ khơ 52 quân; 01 chiếu cói hình chữ nhật kích thước (1,5 x 1,8) m; 5.700.000đồng thu giữ trên chiếu bạc.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo E1, D1, Q1, T3, Q2, T7 đều trình bày: Tối ngày 16- 11- 2022, các bị cáo E1, bị cáo Q1 đang trực tại Nhà điều hành cổng T8 thì bị cáo Q2, bị cáo D1 sau đó là bị cáo T3, bị cáo T7 đến chơi. Các bị cáo đã đánh bạc thắng thua bằng tiền tại phòng ngủ của bị cáo E1 (là phòng ngủ đã giao cho bị cáo E1 quản lý, sử dụng). Bị cáo E1 là người đi mua bộ bài tứ lơ khơ về để đánh bạc. Hình thức đánh bạc là đánh liêng, mỗi ván góp “gà” 20.000đồng; mức “tố” thấp nhất 20.000đồng; cao nhất là 200.000đồng. Số tiền các bị cáo tham gia đánh bạc: Bị cáo E1: 1.200.000đồng; bị cáo D1: 1.080.000đồng; bị cáo T3, bị cáo Q1, bị cáo Q2 mỗi người 900.000đồng; bị cáo T7: 720.000,đồng. Hồi 23 giờ 55 phút ngày 16- 11- 2022, trong khi các bị cáo đang đánh bạc thì bị lực lượng Công an bắt quả tang; lập biên bản phạm tội quả tang đối với các bị cáo.

Anh H5 trình bày: Anh là Cục trưởng cụm quản lý Cổng T8 thuộc Công ty khai thác công trình thủy lợi Bắc Thái Bình. Anh là người giao cho bị cáo E1 phòng ngủ tại dãy nhà dành cho công nhân của công ty để quản lý, sinh hoạt; có chìa khóa riêng.

Bản cáo trạng số 02/CT-VKSTT ngày 06- 01- 2023, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố các bị cáo E1, D1, Q1, T3, Q2, T7 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Luận tội của Kiểm sát viên: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo; đề nghị tuyên bố: Các bị cáo E1, D1, Q1, T3, Q2, T7 phạm tội “Đánh bạc”.

Kiểm sát viên đề nghị áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 65; Khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo. Riêng bị cáo T7 được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị: -Xử phạt bị cáo E1 từ 10 (Mười) tháng đến 01 (Một) năm tù cho hưởng án treo; thử thách từ 01 (Một) năm 08 (Tám) tháng đến 02 (Hai) năm; Giao bị cáo cho chính quyền địa phương quản lý. Phạt bổ sung bị cáo 5.000.000đồng đến 7.000.000đồng.

-Xử phạt các bị cáo Q1, Q2, D1, T3 từ 07 (Bảy) tháng đến 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo; thử thách từ 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng đến 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng. Giao các bị cáo cho chính quyền địa phương quản lý. Phạt bổ sung các bị cáo từ 3.000.000đồng đến 5.000.000đồng.

-Xử phạt bị cáo T7 từ 06 (Sáu) tháng đến 07 (Bảy) tháng tù cho hưởng án treo; thử thách từ 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương quản lý; Phạt bổ sung bị cáo từ 3.000.000đồng đến 5.000.000đồng.

-Áp dụng: Điểm a, điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điểm a, điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung công số tiền 5.700.000đồng mà các bị cáo dùng để đánh bạc; tịch thu tiêu hủy dụng cụ các bị cáo dùng để đánh bạc là 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân; 01 chiếc chiếu cói màu đỏ.

-Áp dụng: Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30- 12- 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đều nhận tội, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1].Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an huyện Thái Thụy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2].Về hành vi và tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

-Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo đều trình bày: Tối ngày 16- 11- 2022, bị cáo E1 đã sử dụng phòng ngủ của mình thuộc dãy nhà dành cho công nhân của Công ty khai thác công trình thủy lợi Bắc Thái Bình để cho các bị cáo E1, D1, Q1, T3, Q2, T7 thực hiện hành vi đánh

bạc thắng thua bằng tiền. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau và được chứng minh bằng: Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an huyện Thái Thụy lập hồi 00 giờ 20 phút ngày 17- 11- 2022; Sơ đồ hiện trường do các bị cáo vẽ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 21 giờ 00 phút đến 23 giờ 55 phút ngày 16- 11- 2022, các bị cáo E1, D1, Q1, T3, Q2, T7 tham gia đánh bạc thắng thua bằng tiền tại phòng ngủ của bị cáo E1 trong dãy phòng ngủ dành cho công nhân mà bị cáo E1 được giao quản lý, sử dụng. Các bị cáo là người trên 18 tuổi, có năng lực trách nhiệm hình sự, đã thực hiện hành vi xâm phạm trật tự công cộng với lỗi cố ý trực tiếp. Số tiền các bị cáo đánh bạc là 5.700.000đồng nên hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội: “*Đánh bạc*” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy quyết định truy tố các bị cáo E1, D1, Q1, T3, Q2, T7 theo điều luật nêu trên là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

“Điều 321. Tội đánh bạc

1. *Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000đồng đến 100.000.000đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.*

2.

3. *Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.”.*

[3]. Về vai trò của các bị cáo, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1]. Đây là vụ đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ. Trong đó:

-Các bị cáo đều là người lao động nhưng không chịu tu dưỡng nên đã thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trật tự công cộng nên cần có hình phạt tương xứng để giáo dục và phòng ngừa chung. Bị cáo E1 là công nhân làm việc tại Nhà điều hành Cống T8 thuộc Công ty Bắc Thái Bình, đã sử dụng phòng ngủ do mình quản lý làm địa điểm đánh bạc, chuẩn bị dụng cụ cho các bị cáo khác đánh bạc, tham gia với số tiền nhiều hơn, là người thực hành tích cực nhất nên giữ vai trò chính trong vụ án. Bị cáo D1 tham gia với số tiền ít hơn bị cáo E1 nhưng nhiều hơn các bị cáo khác; bị cáo Q2 là công nhân của Công ty đã tham gia đánh bạc trong phiên trực tại nơi làm việc, nên bị cáo D1, bị cáo Q2 cùng giữ vai trò thứ hai trong vụ án. Các bị cáo T3, Q2 tham gia với số tiền ít hơn bị cáo D1 cùng giữ vai trò thứ ba. Bị cáo T7 tham gia với số tiền ít hơn nên giữ vai trò thấp nhất trong vụ án.

-Các bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

-Các bị cáo đều “*thành khẩn khai báo*”; đều “*phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*” nên đều được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo T7 có thời gian tham gia Quân đội nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

-Các bị cáo đều có từ 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trở lên; đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; đều có nơi cư trú rõ ràng; đều có nhân thân tốt. Vì vậy, cần áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo đối với các bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên cũng có thể giáo dục các bị cáo và góp phần vào công tác đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung. Cần giao các bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục; gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

[3.2].Hình phạt bổ sung: Do không áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 321; điểm e khoản 2 Điều 32; Khoản 2, khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự.

[4].Về vật chứng, xử lý vật chứng: Vật chứng vụ án, số tiền thu giữ đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án huyện Thái Thụy theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 11 tháng 01 năm 2023 gồm:

+ 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân; 01 chiếc cói hình chữ nhật kích thước (1,5 x 1,8) m. Đây là công cụ phạm tội; cần áp dụng Điểm a Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy.

+Số tiền 5.700.000đồng thu giữ trên chiếc bạc là tiền các bị cáo sử dụng phạm tội; cần áp dụng Điểm b Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điểm b Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

[5].Về án phí: Các bị cáo Ét, Doanh, Nguyễn Quang, Trường, Bùi Viết Quang, Thụy mỗi bị cáo phải chịu 200.000,đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Tuyên bố:

-Các bị cáo E1, D1, Q1, T3, Q2, T7 phạm tội “Đánh bạc”.

2. Xử phạt:

2.1). Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điểm s, điểm i khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 38; Điều 65; Điểm e khoản 2 Điều 32; Khoản 2, khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo E1, D1, Q1, T3, Q2.

-Xử phạt bị cáo E1: 10 (Mười) tháng tù cho hưởng án treo; thử thách 01 (Một) năm 08 (Tám) tháng; thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 24 tháng 02 năm 2023.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo E1 số tiền 5.000.000đồng để nộp Ngân sách nhà nước.

-Xử phạt bị cáo D1: 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo; thử thách 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng; thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 24 tháng 02 năm 2023.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo D1 số tiền 3.000.000đồng để nộp Ngân sách nhà nước.

-Xử phạt bị cáo Q1: 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo; thử thách 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng; thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 24 tháng 02 năm 2023.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Q1 số tiền 3.000.000đồng để nộp Ngân sách nhà nước.

-Xử phạt bị cáo T3: 07 (Bảy) tháng tù cho hưởng án treo; thử thách 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng; thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 24 tháng 02 năm 2023.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo T3 số tiền 3.000.000đồng để nộp Ngân sách nhà nước.

-Xử phạt bị cáo Q2: 07 (Bảy) tháng tù cho hưởng án treo; thử thách 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng; thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 24 tháng 02 năm 2023.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Q2 số tiền 3.000.000đồng để nộp Ngân sách nhà nước.

2.2). Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điểm s, điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 38; Điều 65; Điểm e khoản 2 Điều 32; Khoản 2, khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T7:

-Xử phạt bị cáo T7: 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo; thử thách 01 (Một) năm; thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 24 tháng 02 năm 2023.

-Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo T7 số tiền 3.000.000đồng để nộp Ngân sách nhà nước.

2.3).- Trong thời gian thử thách án treo, giao các bị cáo E1, D1, T3, Q2, T7 cho Ủy ban nhân dân xã Thụy Liên, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục.

-Trong thời gian thử thách án treo, giao bị cáo Q2 cho Ủy ban nhân dân thị trấn Diêm Điền, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục.

3. Các vấn đề trong thi hành án treo:

3.1). -Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú trong phạm vi cùng huyện nơi cư trú thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện để làm thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án treo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được hưởng án treo đến cư trú để giám sát, giáo dục.

-Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú ngoài phạm vi huyện thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có trách nhiệm làm thủ tục chuyển hồ sơ thi hành án treo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người được hưởng án treo đến cư trú để tổ chức việc thi hành án

theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự và thông báo bằng văn bản cho Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

3.2). Hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách của án treo: Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng: Điểm a, điểm b Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Khoản 1, Điểm a, điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các vật chứng hiện đang quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 11 tháng 01 năm 2023 được xử lý như sau:

+Tịch thu tiêu hủy: 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân; 01 chiếu cói hình chữ nhật kích thước (1,5 x 1,8) m;

+Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 5.700.000đồng thu giữ trên chiếu bạc; được niêm phong trong 01 (Một) phong bì hoàn trả mẫu vật giám định số 241/KL/KTHS được dán kín niêm phong; mặt trước có ghi: “Toàn bộ số tiền cần giám định và bao gói niêm phong theo Quyết định trưng cầu giám định số 342/QĐ- CSĐT ngày 18- 11- 2022 của Cơ quan CSĐT Công an huyện Thái Thụy. Trên phong bì có 5 hình dấu tròn màu đỏ của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, 01 dấu chức danh, họ tên: Giám định viên Phan Thị Thu Hà, chữ ký Giám định viên và Điều tra viên Nguyễn Đăng Linh”.

5. Về án phí: Áp dụng: Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo E1, D1, Q1, T3, Q2, T7 mỗi bị cáo phải chịu 200.000,đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- VKSND huyện Thái Thụy;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan điều tra-Công an huyện Thái Thụy;
- Cơ quan thi hành án hình sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy;
- Sở Tư pháp Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Tòng